

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HÀ GIANG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 46 /NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 21 tháng 7 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt tổng biên chế công chức trong các cơ quan,
tổ chức hành chính của tỉnh Hà Giang năm 2016**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHOÁ XVII - KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 26 tháng 7 năm 2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 1800/QĐ-BNV ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2016;

Xét Tờ trình số 98/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của UBND tỉnh Hà Giang về việc đề nghị phê duyệt tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Hà Giang năm 2016; Báo cáo thẩm tra số 07/BC-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang đã thảo luận và nhất trí,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Hà Giang năm 2016 là **2.403 biên chế**, cụ thể:

1. Biên chế giao các Sở, cơ quan ngang sở thuộc tỉnh: 1.317 biên chế.
2. Biên chế giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: 1.077 biên chế.
3. Biên chế chưa sử dụng: 09 biên chế.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo Nghị quyết này)

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2016.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện và quản lý biện chế công chức theo các quy định hiện hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Khóa XVII, Kỳ họp thứ Hai thông qua. / *lsc*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu – UBTW Quốc hội;
- Bộ Nội vụ; Bộ Tài chính;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khóa XIV tỉnh Hà Giang;
- Các Sở, ban, ngành, các tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVII;
- LĐVP Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH; HĐND; UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang; Đài PTTH tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh; TT Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Thảo Hồng Sơn

PHỤ LỤC
PHÊ DUYỆT TỔNG BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN,
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CỦA TỈNH HÀ GIANG NĂM 2016

(Kèm theo Nghị quyết số: **16 /2016/NQ-HĐND** ngày 21 tháng 7 năm 2016
của HĐND tỉnh Hà Giang)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Biên chế giao năm 2016	Ghi chú
I	Tổng chỉ tiêu biên chế công chức năm 2016 được Bộ Nội vụ giao	2.403	
1	Chỉ tiêu biên chế công chức đã giao (II + III)	2.394	
2	Chỉ tiêu biên chế công chức chưa sử dụng	9	Gồm 09 Biên chế, trong đó: + 06 biên chế VP Đoàn ĐBQH tỉnh dự ra do đã điều động công chức về Văn phòng Quốc hội. + 03 biên chế thu hồi từ các đơn vị do giám trừ số nghị hưu, tinh giản
II	CÁC SỞ BAN NGÀNH	1.317	
1	Sở Nội vụ, trong đó:	77	Giữ nguyên
a	Văn phòng Sở	38	
b	Ban Thi đua - Khen thưởng	15	
c	Ban Tôn giáo	12	
d	Chi cục Văn thư - Lưu trữ	12	
2	Sở Lao động Thương binh & XH	50	Giữ nguyên
3	Sở Kế hoạch & Đầu tư	47	Giám trừ thêm 01 so với giao năm 2015 do đơn vị có 05 trường hợp nghị hưu, tinh giản (năm 2015 tạm giao giảm 01)
4	Sở Giao thông Vận tải, trong đó:	48	
a	Văn phòng Sở	30	
b	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	4	Bổ sung 01 chỉ tiêu để điều động và bổ nhiệm Phó Chánh văn phòng Ban
c	Ban Thanh tra giao thông	14	
5	Sở Xây dựng, trong đó:	37	Giữ nguyên
a	Văn phòng Sở	28	
b	Ban Thanh tra xây dựng	9	
6	Sở Tài chính	58	Giữ nguyên
7	Sở Ngoại vụ	25	Giữ nguyên
8	Sở Tư pháp	29	Giữ nguyên



STT	TÊN ĐƠN VỊ	Biên chế giao năm 2016	Ghi chú
9	Sở Tài nguyên & Môi trường, trong đó:	45	Giữ nguyên
a	Văn phòng Sở	36	
b	Chi cục Bảo vệ môi trường	9	
10	Sở Khoa học & Công nghệ, trong đó:	38	Giữ nguyên
a	Văn phòng Sở	25	
b	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	13	
11	Sở Giáo dục & Đào tạo	58	Giảm trừ thêm 01 so với giao năm 2015 do đơn vị có 04 trường hợp nghỉ hưu, tinh giản (năm 2015 tạm giao giảm 01)
12	Sở Công thương, trong đó:	142	
a	Văn phòng Sở	42	
b	Chi cục Quản lý thị trường	100	Giảm trừ thêm 01 so với giao năm 2015 do đơn vị có 05 trường hợp nghỉ hưu, tinh giản (năm 2015 tạm giao giảm 01)
13	Sở Văn hoá, Thể thao & Du lịch	45	Giữ nguyên
14	Sở Y tế, trong đó:	64	Giữ nguyên
a	Văn phòng Sở	32	
b	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	18	
c	Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm	14	
15	Sở Thông tin & Truyền thông	24	Giữ nguyên
16	Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, trong đó:	370	Giữ nguyên
a	Văn phòng Sở	36	
b	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản & Thủy sản	13	
c	Chi cục Kiểm lâm	223	
d	Chi cục Thủy lợi	11	
đ	Chi cục Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	18	
e	Chi cục Thú y	13	
g	Chi cục Bảo vệ thực vật	12	
h	Chi cục Lâm nghiệp	10	
l	Ban Quản lý rừng đặc dụng Phong Quang	16	
m	Ban Quản lý rừng đặc dụng Du Già	11	
n	Ban Quản lý rừng đặc dụng Táy Côn Lĩnh	7	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Biên chế giao năm 2016	Ghi chú
17	Văn phòng HĐND tỉnh	30	Giữ nguyên
18	Văn phòng UBND tỉnh	55	Giảm trừ 01 so với giao năm 2015 do đơn vị có 03 trường hợp nghỉ hưu, tinh giản (năm 2015 chưa giao giảm)
19	Thanh Tra tỉnh	30	Giữ nguyên
20	Ban Dân tộc	19	Giữ nguyên
21	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	15	Giữ nguyên
22	Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng Nông thôn mới	11	Giữ nguyên
III	CÁC ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN	1.077	
1	UBND huyện Mèo Vạc	97	Giữ nguyên
2	UBND huyện Đông Văn	100	Giữ nguyên
3	UBND huyện Yên Minh	95	Giữ nguyên
4	UBND huyện Quán Bạ	96	Giữ nguyên
5	UBND huyện Bắc Mê	92	Giữ nguyên
6	UBND huyện Hoàng Su Phì	99	Giữ nguyên
7	UBND huyện Xín Mần	97	Giữ nguyên
8	UBND huyện Bắc Quang	102	Giữ nguyên
9	UBND huyện Quang Bình	97	Giữ nguyên
10	UBND huyện Vị Xuyên	107	Giữ nguyên
11	UBND thành phố Hà Giang	95	Giữ nguyên

